

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán****DỰ THẢO 2**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định có liên quan tại Điều 19 Thông tư này. Cơ cấu Ban đại diện quỹ không phải tuân quy định tại khoản 4, 5 Điều 19 Thông tư này trừ trường hợp Điều lệ quỹ có quy định khác.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

“Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải công bố bản thông báo chào bán theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bản thông báo chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.”

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 17 như sau:

“4. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp về chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông. Tối thiểu 21 ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp, các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có), gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.”

4. Sửa đổi khoản 6 Điều 20 như sau:

“6. Các giá trị tài sản ròng theo quy định tại khoản 4, 5 Điều này phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng chỉ quỹ niêm yết), công ty quản lý quỹ. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIV ban hành kèm theo Thông tư này.”

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;

b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Quản lý thanh khoản, mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở

1a. Công ty quản lý quỹ có thể áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: quy định về áp dụng mức chống pha loãng, quy định về đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, quy định về các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tối thiểu là 5% giá trị tài sản ròng của quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

b) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

d) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục của chỉ số tham chiếu (chỉ áp dụng đối với quỹ chỉ số);

đ) Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư của quỹ nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (chỉ áp dụng đối với quỹ chỉ số).”

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với các sự kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này, không quá 03 ngày làm việc trước và sau khi kết thúc sự kiện quy định tại điểm d khoản 4 Điều này, không quá 30 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với sự kiện quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

9. Mức chống pha loãng là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở để rút vốn trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở thấp. Việc áp dụng mức chống pha loãng đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách cụ thể về việc áp dụng mức chống pha loãng và chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua, cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức chống pha loãng trong từng trường hợp cụ thể do Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho ban đại diện quỹ. Toàn bộ số tiền thu được từ mức chống pha loãng nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ;

b) Mức chống pha loãng tính trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức chống pha loãng tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức chống pha loãng cụ thể quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối. Mức chống pha loãng tối đa 3% giá trị giao dịch;

c) Thời điểm áp dụng mức chống pha loãng là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty quản lý quỹ về việc áp dụng mức chống pha loãng;

d) Công ty quản lý quỹ phải ngừng áp dụng mức chống pha loãng ngay khi sự kiện về tính thanh khoản thấp của quỹ quy định tại khoản 9 Điều này chấm dứt đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty quản lý quỹ.”

7. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 Điều 34

“3. Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Trong trường hợp quỹ áp dụng mức chống pha loãng, mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư sẽ trừ thêm mức chống pha loãng.

5. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Danh mục đầu tư và hạn mức đầu tư của quỹ mở

2. Các loại tài sản mà quỹ được đầu tư bao gồm:

a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

đ) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;

g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;

h) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

3. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ, h khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;

b) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

c) Đối với tài sản là trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành thì phải có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

4. Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:

d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ, e và h khoản 2 Điều này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này; không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm h khoản 2 Điều này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết bị hạn chế chuyển nhượng thời hạn trên 1 năm.”

9. Bổ sung Điều 35a như sau:

“Điều 35a. Danh mục đầu tư và hoạt động đầu tư của quỹ chỉ số

1. Các tài sản mà quỹ được đầu tư bao gồm:

a) Danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu;

b) Các tài sản tại Việt Nam theo quy định tại điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 35 Thông tư này. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

2. Việc đầu tư vào tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải phù hợp với danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm:

a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở của chỉ số tham chiếu;

b) Giá trị danh mục chứng khoán của quỹ không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.

3. Danh mục đầu tư của quỹ chỉ số phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và tuân thủ các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 45 Thông tư này. Cơ cấu đầu tư của quỹ chỉ số chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c và đ khoản 3 Điều 45 và chỉ do các nguyên nhân quy định tại khoản 5 Điều 45 Thông tư này.

4. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định tại khoản 6, 7, 8 và 9 Điều 35 khi thực hiện hoạt động đầu tư của quỹ.

5. Định kỳ hàng tuần, công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty về mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu. Trong đó, mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu được xác định theo Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Mức sai lệch tối đa giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu phải được quy định tại Điều lệ quỹ, công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán. Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa đã được quy định tại Điều lệ quỹ.

7. Trường hợp mức sai lệch nêu trên vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt quá, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa.

Trường hợp mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều lệ quỹ liên tục trong 03 tháng gần nhất, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ.”

10. Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 37 như sau:

“c) Chi phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (chỉ áp dụng đối với quỹ chỉ số).”

11. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 43 như sau:

“đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục

chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 4 Điều này; công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 4 Điều này.”

12. Sửa đổi khoản 1, khoản 4, khoản 7, khoản 10 Điều 76 như sau:

“1. Đại lý phân phối của quỹ đóng, quỹ mở, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ đóng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với công ty quản lý quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo thẩm định cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và nội dung đảm bảo các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 10 Điều 78 Thông tư này. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối, địa chỉ của địa điểm phân phối, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.

10. Công ty quản lý quỹ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.”

13. Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 77 như sau:

“e) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư, các giao dịch của nhà đầu tư và cập nhật các thông tin này cho công ty quản lý quỹ; đồng thời cung cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.”

14. Sửa đổi khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 78 như sau:

“6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất cứ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Trường hợp tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền với giá trị quà tặng tối đa không quá 01 (một) triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà không làm ảnh hưởng đến việc ra quyết định đầu tư của nhà đầu tư.

Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại địa điểm phân phối, phân phối trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

9. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.

10. Đại lý phân phối khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng phải đảm bảo các nội dung sau:

a. Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;

b. Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;

c. Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;

- d. Ban hành các quy trình về giao dịch chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng;
- đ. Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
- e. Đảm bảo nhà đầu tư nhận được tài liệu xác nhận của đại lý phân phối ghi nhận việc đã nhận đơn đăng ký mở tài khoản, lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Tài liệu này phải có khả năng tải xuống một phương tiện lưu trữ điện tử hoặc in ra bản cứng. Đại lý phân phối phải cung cấp hướng dẫn rõ ràng và đơn giản về phương thức nhà đầu tư có thể in hoặc tải xuống các xác nhận này;
- g. Giao diện của các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo nhà đầu tư đã đọc và tiếp cận đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 78 Thông tư này trước khi thực hiện mở tài khoản, giao dịch chứng chỉ quỹ;
- h. Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc và hiểu bản cáo bạch/các tài liệu liên quan đến quỹ; đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận diện được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng.

11. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối thực hiện phân phối trên môi trường mạng và các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của các đại lý phân phối đó. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối thực hiện phân phối trên môi trường mạng hoặc các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của các đại lý phân phối đó.”

15. Bổ sung khoản 5a Điều 79 như sau:

“5a. Đại lý phân phối phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ quý, năm về tình hình hoạt động của đại lý phân phối theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu và hình thức gửi báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều này.”

16. Sửa đổi Phụ lục số XIV ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC

17. Bổ sung Phụ lục số XXIX về mẫu báo cáo của đại lý phân phối ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 10 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tòa án Nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (150b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục XXIX
MẪU BÁO CÁO CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2023/TT-BTC ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của đại lý phân phối
(quý, năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Số liệu hoạt động đại lý phân phối

1. Tình hình hoạt động ĐLPP

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo
1.1. Tên các quỹ đầu tư chứng khoán (sau đây gọi là quỹ) thực hiện phân phối và phương thức phân phối (trực tiếp, trên môi trường mạng)	
1.2. Thông tin về trụ sở chính ĐLPP, các địa điểm và nhân viên tại các địa điểm phân phối	
1.3. Thông tin về các chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng của đại lý phân phối (nếu có)	
1.4. <i>Tình hình giao dịch chứng chỉ quỹ (chi tiết đến từng quỹ, theo loại hình nhà đầu tư cá nhân, tổ chức)</i>	
(1) Tổng số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ	
(2) Tổng giá trị chứng chỉ quỹ phát hành trong kỳ	
(3) Tổng số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	
(4) Tổng giá trị chứng chỉ quỹ mua trong kỳ	
(5) Số lượng giao dịch trong ngày cao điểm (Tổng số lượng giao dịch được hệ thống xử lý thành công trong ngày có nhiều giao dịch nhất trong kỳ báo cáo)	

(6) Giá trị giao dịch trong ngày cao điểm (Tổng giá trị giao dịch được hệ thống xử lý thành công trong ngày có giá trị giao dịch lớn nhất trong kỳ báo cáo.	
---	--

2. Tình hình rủi ro

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo
<i>2.1. Rủi ro vận hành</i>	
Tổng số thời gian (tính theo giờ) xảy ra sự cố làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ ĐLPP từ trên 02 giờ trong kỳ báo cáo	
Tổng số lượng giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo	
Tổng giá trị giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo	
<i>2.2. Rủi ro gian lận, giả mạo</i>	
Tổng số lượng giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo.	
Tổng giá trị giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo.	
<i>2.3. Rủi ro thanh khoản (đối với đại lý ký danh)</i>	

3. Các chỉ tiêu khác

Chỉ tiêu	Giải thích	Kỳ báo cáo
Số lượng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ đã mở trong kỳ (chi tiết theo loại hình nhà đầu tư tổ chức, cá nhân)	Tổng số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ đã kích hoạt (đã đảm bảo tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng và sẵn sàng để thực hiện tất cả các loại giao dịch) tại thời điểm cuối ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo.	
Số lượng tài khoản nắm giữ chứng chỉ quỹ cuối kỳ (chi tiết theo loại hình nhà đầu tư tổ chức, cá nhân)		

II. Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đại lý phân phối

- Đánh giá kết quả hoạt động đại lý phân phối trong kỳ báo cáo.
- Đánh giá chất lượng dịch vụ, tình hình rủi ro, sự cố đã được phát hiện.
- Những thay đổi cơ bản trong quy định, quy trình, thủ tục (nếu có).

III. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIV
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A – Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch,	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định tại điều lệ quỹ, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ đại chúng		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		+ Giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên trang thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo chi tiết tại Sổ tay định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử công ty quản lý quỹ đó hoặc trên trang thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày định giá của Quỹ.
Chứng khoán phái sinh		
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
16.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Các tài sản khác		
17.	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.
18.	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thông qua.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).